

SỐ: 03/2017/QĐST-HNGĐ

Đồng Phú, ngày 05 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2017/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2016, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1959.

Bị đơn: Nguyễn Sĩ T, sinh năm 1956

Cùng trú tại: ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị H, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Sĩ T, sinh năm 1956 cùng trú tại: ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn Bùi Thị H và bị đơn Nguyễn Sĩ T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất thoả thuận như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Sĩ T có trách nhiệm tới ngày 16/4/2018, giao đủ cho nguyên đơn bà Bùi Thị H số tiền 1.415.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu đồng) bao gồm:

+ Ông T giao cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị mảnh đất có diện tích 327 m² tọa lạc tại ấp 6, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tương đương với số tiền 600.000.000 đồng. Ông T và bà H thống nhất thỏa thuận để cho ông T được quyền sử dụng 01 mảnh đất có diện tích 327 m² tọa lạc tại ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 căn nhà có diện tích 145m², được xây dựng vào năm 2011. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00813/ xã A ngày 13/6/2013 do UBND huyện Đồng Phú cấp.

+ Ông T giao cho bà H $\frac{1}{2}$ số tiền từ việc ông T sang nhượng cho ông Lê Văn N 01 mảnh đất có diện tích 602m² đất tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương tương đương 815.000.000 đồng.

- Về các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 150.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 27.225.000 đồng. Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận là bà Bùi Thị H nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.000.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023768, quyển số 000476 ngày 04/11/2016, số tiền bà H phải nộp là 4.375.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nguyên Hoàng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).